

Số: 09 /KL-TTT

Ninh Thuận, ngày 24 tháng 9 năm 2021

KẾT LUẬN THANH TRA

Việc chấp hành quy định pháp luật về quản lý sử dụng các nguồn kinh phí tại Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại, tỉnh Ninh Thuận.

Căn cứ Luật Thanh tra năm 2010.

Xét báo cáo kết quả thanh tra số 02/BC-ĐTT ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Đoàn Thanh tra được thành lập theo Quyết định số 78/QĐ-TTT ngày 03/6/2021 của Chánh Thanh tra tỉnh Ninh Thuận về thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý sử dụng các nguồn kinh phí tại Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Ninh Thuận.

Chánh thanh tra kết luận,

Phần I ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh được thành lập theo Quyết định số 82/QĐ-UBND ngày 13/3/2009 của UBND tỉnh Ninh Thuận; Ngày 10/10/2011 Trung tâm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Quyết định số 64/QĐ-SCT. Đến tháng 8/2020 tổ chức hoạt động theo Quyết định số 74/QĐ-SCT của Sở Công Thương quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm; là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Công Thương thực hiện chức năng, nhiệm vụ: Phục vụ quản lý nhà nước ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh; cung cấp các sản phẩm, dịch vụ trong lĩnh vực hoạt động khuyến công, lĩnh vực tư vấn phát triển công nghiệp, lĩnh vực xúc tiến thương mại, hoạt động tiết kiệm năng lượng và sản xuất sạch hơn và hoạt động phát triển cụm công nghiệp theo quy định của pháp luật.

Tổng số viên chức và người lao động hiện có 18 người. Trong đó: 16 viên chức, hợp đồng lao động (bảo vệ) 02 người. Bộ máy tổ chức gồm: 04 phòng chuyên môn: Hành chính - tổng hợp; Khuyến công và hỗ trợ phát triển công nghiệp; Xúc tiến thương mại; Tiết kiệm năng lượng và sản xuất sạch hơn.

Nguồn kinh phí hoạt động gồm: Nguồn Ngân sách nhà nước đảm bảo toàn bộ; Ngân sách Trung ương hỗ trợ hoạt động chuyên môn như: Xúc tiến thương mại Quốc Gia, Khuyến công Quốc gia, Chương trình mục tiêu Quốc Gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, chương trình Tam Nông (Vốn ODA).

Phần II

KẾT QUẢ THANH TRA

I. Công tác quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí từ năm 2016 đến năm 2020

1. Tình hình quản lý nguồn kinh phí

Là đơn vị dự toán cấp II chịu sự quản lý và kiểm soát về dự toán ngân sách của Sở Công thương. Những năm qua, Trung tâm đã cơ bản thực hiện tốt việc quản lý và sử dụng nguồn Ngân sách Nhà nước theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước; Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính về xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm; Trung tâm thực hiện chế độ chi theo quy định tại Nghị định 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về Khuyến công; Thông tư liên tịch số 36/2005/TTLT-BTC-BCN ngày 16/5/2005 của Bộ Tài chính và Bộ Công nghiệp hướng dẫn việc quản lý kinh phí sự nghiệp kinh tế đối với hoạt động khuyến công; Thông tư liên tịch số 221/2012/TTLT-BTC-BCT ngày 24/12/2012 của Bộ Tài chính và Bộ Công thương hướng dẫn chế độ quản lý sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện chiến lược sản xuất sạch hơn trong công nghiệp đến năm 2020; Thông tư liên tịch số 26/2014/TTLT-BTC-BCT ngày 18/2/2014 của Bộ Tài chính và Bộ Công thương hướng dẫn trình tự lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia và kinh phí khuyến công địa phương; Quyết định số 07/2016/QĐ-UBND ngày 09/3/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành quy định về trình tự xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện quản lý kinh phí khuyến công tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 1117/QĐ-UBND ngày 27/3/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt mức thu chi tiết phí sử dụng cơ sở hạ tầng tại Cụm công nghiệp Tháp Chàm và Văn bản số 1447/UBND-QHXD ngày 09/4/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc điều chỉnh mức thu tiền sử dụng hạ tầng tại Cụm công nghiệp Tháp Chàm từ năm 2015 và các văn bản khác có liên quan đến hoạt động của Trung tâm.

Đến ngày 31/5/2019 Trung tâm được Ủy ban nhân dân tỉnh giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm tài chính giai đoạn 2019 – 2021 tại Quyết định số 880/QĐ-UBND đối với đơn vị sự nghiệp do ngân sách nhà nước đảm bảo toàn bộ chi phí hoạt động thường xuyên; Trung tâm đã xây dựng, ban hành quy chế chi tiêu nội bộ; hàng năm có sửa đổi bổ sung, làm cơ sở để thực hiện mức chi hoạt động, đảm bảo đúng chế độ và phù hợp với khả năng tài chính được giao. Tuy nhiên, xây dựng quy chế qua các năm cho thấy: Nội dung quy chế xác định các nguồn hoạt động của Trung tâm chưa đầy đủ (kinh phí khuyến công quốc gia, chương trình xúc tiến thương mại quốc gia); chưa xây dựng hoàn chỉnh các quy định chi cho cá nhân về mức khoán tiền tự túc phương tiện cá nhân đi công tác (sử dụng 02 mức chi nhưng trong quy chế thì xây dựng một mức chi và áp dụng nguồn kinh phí ngân sách cấp).

Kết quả thực hiện quản lý nguồn kinh phí trong 5 năm (2016-2020).

Đơn vị tính: đồng

TT	Nguồn kinh phí	Năm trước chuyển sang	Tổng số/ Cấp trong năm	Được sử dụng trong kỳ	Đã sử dụng và quyết toán	KP chuyển năm sau
I	Năm 2016	268.060.902	3.107.120.000	3.375.180.902	2.922.897.980	452.282.922
1	Nguồn NSNN cấp	268.060.902	2.092.120.000	2.360.180.902	1.911.547.980	448.632.922
-	KP thường xuyên		1.158.720.000	1.158.720.000	1.152.888.459	5.831.541
-	KP không thường xuyên		810.000.000	810.000.000	723.566.061	86.433.939
-	Tiết kiệm 10% CCTL	268.060.902	123.400.000	391.460.902	35.093.460	356.367.442
2	KP Ngân sách TW cấp		1.015.000.000	1.015.000.000	1.011.350.000	3.650.000
II	Năm 2017	356.367.442	3.964.720.000	4.321.087.442	3.531.681.175	789.406.267
1	Nguồn NSNN cấp	356.367.442	2.454.720.000	2.811.087.442	2.042.784.935	768.302.507
-	KP thường xuyên		1.289.610.000	1.289.610.000	1.211.790.917	77.819.083
-	KP không thường xuyên		990.000.000	990.000.000	754.861.380	235.138.620
-	Tiết kiệm 10% CCTL	356.367.442	135.200.000	491.567.442	36.222.638	455.344.804
-	MS TTB làm việc		39.910.000	39.910.000	39.910.000	-
2	KP Ngân sách TW cấp		1.510.000.000	1.510.000.000	1.488.896.240	21.103.760
III	Năm 2018	455.344.804	3.969.060.000	4.424.404.804	4.071.680.896	352.723.908
1	Nguồn NSNN cấp	455.344.804	2.119.060.000	2.574.404.804	2.229.522.245	344.882.559
-	KP thường xuyên		914.060.000	914.060.000	861.717.187	52.342.813
-	KP không thường xuyên		990.000.000	990.000.000	729.668.400	260.331.600
-	Tiết kiệm 10% CCTL	455.344.804	135.200.000	590.544.804	558.336.658	32.208.146
-	Mua sắm trang thiết bị làm việc		79.800.000	79.800.000	79.800.000	-
2	KP Ngân sách TW cấp		1.850.000.000	1.850.000.000	1.842.158.651	7.841.349
IV	Năm 2019	32.208.146	5.521.115.245	5.553.323.391	5.158.035.673	395.287.718
1	Nguồn NSNN cấp	32.208.146	2.814.115.245	2.846.323.391	2.451.035.673	395.287.718
-	KP thường xuyên		1.368.406.245	1.368.406.245	1.368.406.245	-
-	KP không thường xuyên		1.241.359.000	1.241.359.000	1.066.906.900	174.452.100
-	Tiết kiệm 10% CCTL	32.208.146	125.000.000	157.208.146	11.278.528	145.929.618
-	Mua sắm trang thiết bị làm việc		79.350.000	79.350.000	4.444.000	74.906.000
2	KP Ngân sách TW cấp		2.707.000.000	2.707.000.000	2.707.000.000	-
V	Năm 2020	210.323.618	6.995.408.679	7.205.732.297	6.742.026.175	463.706.122
1	Nguồn NSNN cấp	210.323.618	2.928.382.659	3.138.706.277	2.675.000.155	463.706.122

-	KP thường xuyên		1.470.542.659	1.470.542.659	1.395.808.131	74.734.528
-	KP không thường xuyên		1.382.000.000	1.382.000.000	1.153.415.024	228.584.976
-	Tiết kiệm 10% CCTL	145.929.618	0	145.929.618	0	145.929.618
-	Mua sắm trang thiết bị làm việc	64.394.000	75.840.000	140.234.000	125.777.000	14.457.000
2	KP Ngân sách TW cấp		3.860.000.000	3.860.000.000	3.860.000.000	-
3	Nguồn thu sự nghiệp (Thu phí hạ tầng Cụm Công nghiệp T/Chàm)		207.026.020	207.026.020	207.026.020	-

Nguồn kinh phí do Ngân sách nhà nước cấp, nguồn kinh phí các đề án, chương trình của khuyến công; chương trình xúc tiến thương mại và nguồn thu khác đều được đưa vào sổ sách kế toán quản lý theo quy định, định kỳ có sự kiểm tra, thẩm định và xét duyệt quyết toán của Sở Công Thương. Kinh phí thực hiện các đề án được quyết toán và phê duyệt quyết toán theo từng đề án, chương trình. Các khoản chi hành chính cơ bản đúng chế độ và phù hợp với quy chế chi tiêu nội bộ.

2. Tình hình sử dụng nguồn kinh phí ngân sách cấp.

Đơn vị tính: đồng

T T	Nội dung	Cộng	Năm				
			2016	2017	2018	2019	2020
I	KINH PHÍ TX	6.006.178.689	1.152.888.459	1.251.191.167	861.684.687	1.344.606.245	1.395.808.131
1	Lương & các khoản TL	4.944.100.047	968.311.353	1.035.657.083	688.549.237	1.073.118.970	1.178.463.404
2	Công tác phí	285.100.500	76.878.000	71.742.000	59.002.000	48.854.100	28.624.400
3	Chuyên môn nghiệp vụ	51.504.000		39.910.000		3.594.000	8.000.000
4	DVCC, TTLL & VTVP	271.328.979	54.317.106	54.086.284	63.792.450	44.701.994	54.431.145
5	Sửa chữa, duy tu bảo dưỡng	64.882.800	13.553.000	16.133.800	16.491.000	9.350.000	9.355.000
6	Chi thuê mướn	118.947.000	27.300.000	20.942.000	26.155.000	33.420.000	11.130.000
7	Khác	49.494.100	12.529.000	12.720.000	7.695.000	16.113.900	436.200
8	HT & giải quyết việc làm	58.503.000				58.503.000	
9	Trích lập quỹ	162.318.263				56.950.281	105.367.982
II	KINH PHÍ KTX	4.638.981.015	723.566.061	755.371.130	809.500.900	1.071.350.900	1.279.192.024
1	Lương & các khoản TL	7.692.700		400.000		3.104.700	4.188.000
2	Hội nghị	362.789.000	22.850.000	88.090.000	156.059.000	48.190.000	47.600.000
3	Chi xúc tiến TM, DL & ĐT	886.786.000	118.982.000	184.932.000	189.072.000	224.800.000	169.000.000
4	Công tác phí	634.584.000	117.580.000	114.582.000	99.086.000	152.936.000	150.400.000
5	DVCC, TTLL & VTVP	81.723.950	8.868.000	509.750	25.980.000	12.283.000	34.083.200
6	Chuyên môn nghiệp vụ	1.818.516.365	347.206.061	230.757.380	172.403.900	393.178.200	674.970.824
7	Chi thuê mướn	545.100.000	105.000.000	134.900.000	87.100.000	120.500.000	97.600.000

8	Mua sắm tài sản	181.150.000			79.800.000		101.350.000
9	HT & giải quyết việc làm	116.359.000				116.359.000	
10	Khác	4.280.000	3.080.000	1.200.000			
III	Tiết kiệm 10% CCTL	664.731.284	35.093.460	36.222.638	558.336.658	35.078.528	
IV	TỔNG CỘNG	11.309.890.988	1.911.547.980	2.042.784.935	2.229.522.245	2.451.035.673	2.675.000.155

Trong 5 năm (2016 - 2020) đơn vị cơ bản thực hiện tốt công tác quản lý, sử dụng nguồn ngân sách cấp. Các khoản chi được kế toán đơn vị ghi sổ, hạch toán trên các sổ kế toán, phần mềm kế toán, định mức chi tiêu theo quy chế chi tiêu nội bộ, chủ yếu chi thường xuyên về lương, công tác phí, văn phòng phẩm ... Tuy nhiên, qua thanh tra cho thấy vẫn còn tồn tại trong việc chi khoán tiền tự túc phương tiện cho viên chức của đơn vị chưa phù hợp qui định. Cụ thể:

Tại điểm b Khoản 2 Điều 3 Quyết định số 143/2017/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 của UBND tỉnh Ninh Thuận qui định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận: *“Đối với cán bộ, công chức, viên chức không có tiêu chuẩn được bố trí xe ô tô khi đi công tác, nhưng nếu đi công tác cách trụ sở cơ quan từ 10 km trở lên đối với các xã thuộc địa bàn kinh tế xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và từ 15 km trở lên đối với các xã còn lại mà tự túc bằng phương tiện cá nhân của mình thì được thanh toán khoán tiền tự túc phương tiện bằng 0,15 lit xăng/km tính theo khoảng cách địa giới hành chính và giá xăng tại thời điểm đi công tác và được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị”*.

Hàng năm, Trung tâm có xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, có điều chỉnh, bổ sung. Tại Khoản 5 Điều 7 Qui chế chi tiêu nội bộ năm 2018, 2019 và năm 2020 có qui định về thanh toán khoán tiền tự túc phương tiện đi công tác: *“CBVC đi công tác cách trụ sở cơ quan từ 10 km trở lên đối với các xã thuộc địa bàn kinh tế xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và từ 15 km trở lên đối với các xã còn lại mà tự túc phương tiện cá nhân của mình thì được thanh toán khoán tiền tự túc phương tiện theo km thực đi nhân với đơn giá khoán (bao gồm tiền nhiên liệu và khấu hao xe); đơn giá khoán: 2.000 đồng/km ...; Bảng kê độ dài quãng đường đi công tác”*.

Trong 3 năm (2018-2020) Trung tâm thanh toán khoán tiền tự túc bằng phương tiện cá nhân cho cán bộ, viên chức đi công tác các xã, huyện trên địa bàn tỉnh, được thanh toán chế độ theo qui chế chi tiêu nội bộ của đơn vị, mức khoán là 2.000 đồng/km cho cả lượt đi, lượt về là chưa đúng qui định tại Quyết định số 143/2017/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 của UBND tỉnh Ninh Thuận: *“... tính theo khoảng cách địa giới hành chính”*, có nghĩa chỉ được thanh toán theo khoảng cách địa giới hành chính và được qui định trong qui chế chi tiêu nội bộ của đơn vị. Việc Trung tâm chi khoán tiền công tác phí chưa thống nhất; trong qui chế chi tiêu nội bộ (nguồn kinh phí địa phương cấp) thì khoán: 2.000 đồng/km; Còn đối với nguồn kinh phí khuyến công Quốc gia, Chương trình xúc tiến thương mại Quốc gia thì áp dụng Điểm b, khoản 2, Điều 5 Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác

phí, chế độ chi hội nghị "... khoản tiền tự túc phương tiện bằng 0,2 lít/xăng, tính theo khoảng cách địa giới hành chính và giá xăng tại thời điểm đi công tác và được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị". Vì vậy, số tiền thanh toán chưa đúng qui định là: 5.617.872 đồng (Năm 2017: 600.000 đồng, năm 2018: 2.762.000 đồng, năm 2019: 1.084.000 đồng, năm 2020: 1.171.872 đồng).
Cụ thể:

- Năm 2017: 600.000 đồng.

DNTT số 13 ngày 30/08/2017 - Thanh toán phụ cấp công tác phí thu thập thông tin phục vụ công tác tiền thiết kế dự án hỗ trợ Tam nông: 2.160.000 đồng (Bảng kê chứng từ thanh toán thể hiện: Thanh toán tiền công tác phí từ cơ quan đến UBND huyện Ninh Phước tính phụ cấp xăng xe, phụ cấp công tác 02 ngày 23-24/5/2016 (03 người): 600.000 đồng.

- Năm 2018: 2.762.000 đồng.

+ Phiếu chi số 02 ngày 27/4/2018 - Thanh toán chi phí công tác trong tỉnh: 2.014.000 đồng (thanh toán xăng xe lượt đi, lượt về: 1.244.000 đồng, tính lại theo khoảng cách địa giới hành chính: 622.000 đồng).

Tương tự các chứng từ thanh toán xăng xe khác

+ PC số 07 ngày 18/7/2018 - Thanh toán chi phí công tác trong tỉnh: 894.000 đồng (tính lại 1 lượt: 272.000 đồng).

+ PC số 10 ngày 24/8/2018 - Thanh toán chi phí công tác trong tỉnh: 776.000 đồng (tính lại 1 lượt: 248.000 đồng).

+ PC số 11 ngày 14/9/2018 - Thanh toán chi phí công tác trong tỉnh: 604.000 đồng (tính lại 1 lượt: 232.000 đồng).

+ PC số 12 ngày 02/10/2018 - Thanh toán chi phí công tác trong tỉnh: 1.174.000 đồng (tính lại 1 lượt: 342.000 đồng).

+ PC số 18 ngày 09/11/2018 - Thanh toán chi phí công tác trong tỉnh: 622.000 đồng (tính lại 1 lượt: 206.000 đồng).

+ PC số 19 ngày 30/11/2018 - Thanh toán chi phí công tác trong tỉnh: 1.260.000 đồng (tính lại 1 lượt: 420.000 đồng).

- Năm 2019: 1.084.000 đồng.

+ PC số 80 ngày 17/6/2019 - Thanh toán chi phí công tác trong tỉnh: 2.288.000 đồng (tính lại 1 lượt: 724.000 đồng).

+ PC số 232 ngày 08/01/2020 - Thanh toán công tác phí trong tỉnh: 1.140.000 đồng (tính lại 1 lượt: 360.000 đồng).

- Năm 2020: 1.171.872 đồng.

+ GRDT số 85 ngày 12/08/2020 - Thanh toán công tác phí trong tỉnh: 630.000 đồng (Tính lại 1 vòng: 210.000 đồng).

+ PC số 187 ngày 13/01/2021 - Thanh toán chi phí công tác trong tỉnh: 1.284.000 đồng (tính lại 1 lượt: 432.000 đồng).

+ PC số 160 ngày 23/12/2020 - Thanh toán chi phí công tác trong tỉnh: 780.000 đồng (tính lại 1 lượt: 180.000 đồng).

+ PC số 172 ngày 30/12/2020 - Thanh toán chi phí công tác trong tỉnh: 1.044.000 đồng (tính lại 1 lượt: 349.872 đồng).

3. Nguồn kinh phí đề án Khuyến công và Chương trình xúc tiến thương mại địa phương từ năm 2016 – 2020.:

Từ năm 2016-2020, Trung tâm đã thực hiện tổng số 52 Đề án từ nguồn kinh phí Khuyến công. Trong đó: 19 Đề án khuyến công Quốc gia và 33 Đề án khuyến công địa phương; Phối hợp tổ chức 20 phiên chợ Hàng Việt về nông thôn, miền núi; tổ chức 02 Hội chợ cấp vùng, hỗ trợ 173 doanh nghiệp/266 gian hàng cho các doanh nghiệp của tỉnh tham gia các đợt hội chợ được tổ chức trong và ngoài tỉnh ...

Theo kết luận thanh tra số 1088/KL-STC ngày 04/5/2017 của Sở Tài chính cho thấy: Từ năm 2015 đến năm 2016 Trung tâm đã được Thanh tra Sở Tài chính tiến hành thanh tra tại Trung tâm. Vì vậy, Đoàn thanh tra kiểm tra số liệu từ năm 2017 - 2020.

3.1. Các Đề án Khuyến công được thực hiện hỗ trợ:

TT	Năm thực hiện	CT KC Quốc Gia		CT KC Địa phương	
		Số đề án	Kinh phí quyết toán	Số đề án	Kinh phí quyết toán
1	2016	4	700.000.000	7	299.624.901
2	2017	5	1.000.000.000	7	341.462.000
3	2018	4	750.000.000	5	174.256.400
4	2019	3	2.152.000.000	7	362.011.100
5	2020	3	2.400.000.000	7	509.099.324
	T.cộng	19	7.002.000.000	33	1.686.453.725

Nhìn chung, Trung tâm đã triển khai thực hiện và hoàn thành các nhiệm vụ trọng tâm theo đúng kế hoạch và tiến độ đề ra; Kinh phí thực hiện các đề án được quyết toán và phê duyệt theo từng nguồn và theo từng đề án được quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2014/TTLT-BTC-BCT ngày 18/02/2014 của Bộ Tài chính và Bộ Công thương về hướng dẫn trình tự lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công Quốc gia và kinh phí khuyến công địa phương.

Tại Điểm a Khoản 2 Điều 11 Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp quy định:

“*Khi lập và xác định giá gói thầu trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu cần căn cứ vào ít nhất một trong các tài liệu sau:*

a) *Giá hàng hóa cần mua của ít nhất 3 đơn vị cung cấp hàng hóa khác nhau trên địa bàn để làm căn cứ xác định giá gói thầu; trong trường hợp không đủ 03 đơn vị trên địa bàn có thể tham khảo trên địa bàn khác đảm bảo đủ 03 báo giá;...*”. Tuy nhiên, qua kiểm tra hồ sơ cho thấy việc lấy báo giá để làm căn cứ xác định giá khi thực hiện các dịch vụ như: hợp đồng xe vận chuyển, bốc dỡ hàng hóa, hợp đồng xe thực hiện chuyên môn của Trung tâm, thuê gian hàng tổ chức các hội chợ ...; Trung tâm không lấy đủ ba báo giá là không đúng quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 11 Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính. Cụ thể:

Năm 2019:

+ Chứng từ số 130 ngày 26/8/2019 – Thanh toán hợp đồng thuê xe phục vụ đoàn tham dự hội nghị công tác khuyến công khu vực miền Trung – Tây nguyên năm 2020 tại Gia Lai, số tiền 9.000.000 đồng.

+ Chứng từ số 131 ngày 27/8/2019 – Thanh toán hợp đồng gia công bảng hiệu trang trí gian hàng, số tiền 9.000.000 đồng.

+ Chứng từ số 200 ngày 04/12/2019 – Thanh toán hợp đồng thuê xe phục vụ đoàn khảo sát học tập kinh nghiệm công tác quản lý tại Long An – Cần Thơ, số tiền 14.000.000 đồng.

Năm 2020:

+ Chứng từ số 77 ngày 21/7/2020 – Thanh toán hợp đồng thuê xe phục vụ đoàn tham dự hội nghị công tác khuyến công khu vực miền Trung – Tây nguyên năm 2020 tại Quảng Bình, số tiền 20.000.000 đồng

+ Chứng từ số 79 ngày 22/7/2020 – Thanh toán hợp đồng xe vận chuyển và bốc dỡ hàng hóa, dụng cụ trưng bày, trang trí tại Hội trợ triển lãm hàng công nghiệp nông thôn tiêu biểu khu vực miền Trung – Tây nguyên năm 2020 tại Quảng Bình, số tiền 27.000.000 đồng

3.2. Chương trình xúc tiến thương mại.

Đơn vị tính: Đồng

TT	Năm t. hiện	CT Xúc tiến TM Quốc Gia		CT Xúc tiến TM Địa Phương	
		Số đợt	Kinh phí quyết toán	Số đợt	Kinh phí quyết toán
1	2016	1	311.350.000	8	181.832.260
2	2017	2	483.196.240	11	355.457.000
3	2018	2	1.092.158.651	11	371.504.000
4	2019	1	555.000.000	13	464.456.800
5	2020	2	1.460.000.000	8	405.735.800
	T. cộng	8	3.901.704.891	51	1.778.985.860

4. Nguồn thu sự nghiệp:

Năm 2020, Trung tâm thu từ cho thuê cơ sở hạ tầng Cụm công nghiệp Tháp Chàm và sử dụng tương đối hiệu quả nguồn thu phục vụ nhu cầu chuyên

môn như: chi lương và các khoản theo lương cho bảo vệ, các chi phí khác ..., các khoản chi được hạch toán và phản ánh đầy đủ trên sổ kế toán. Hoạt động dịch vụ có đăng ký, kê khai, thực hiện nghĩa vụ thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật. Sau khi trừ chi phí còn lại số tiền 5.040.629 đồng Trung tâm chưa thực hiện nộp vào ngân sách theo quy định tại Thông tư số 145/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

Phần III

KẾT LUẬN – KIẾN NGHỊ

I. Kết luận.

1. Ưu điểm.

Trong những năm qua được sự quan tâm chỉ đạo, hỗ trợ tạo điều kiện thuận lợi của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Công thương, cùng với sự phối hợp của các đơn vị liên quan; với tinh thần đoàn kết, nỗ lực vượt khó của Lãnh đạo, tập thể viên chức và người lao động của Trung tâm. Từ năm 2016 – 2020, Trung tâm đã tích cực thực hiện vai trò phục vụ quản lý nhà nước về định hướng ứng dụng tiến bộ khoa học – công nghệ vào các lĩnh vực, đời sống và bảo vệ môi trường. Triển khai và thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm đạt kế hoạch đề ra. Sử dụng có hiệu quả nguồn lực đầu tư, phục vụ tốt cho công tác chuyên môn.

Việc triển khai thực hiện các chương trình, đề án từ các nguồn kinh phí do Trung tâm triển khai đã góp phần giúp các cơ sở sản xuất nâng cao năng lực quản lý, mang lại hiệu quả cao và tăng khả năng cạnh tranh sản phẩm trên thị trường, giới thiệu quảng bá sản phẩm cũng như tạo điều kiện để các doanh nghiệp ngoài tỉnh tiếp cận thị trường, tìm kiếm các đối tác và hội nhập kinh tế quốc tế; đồng thời giải quyết công ăn việc làm, tăng thu nhập, cải thiện đời sống cho người lao động; mang lại hiệu quả phát triển kinh tế xã hội, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế công nghiệp nông thôn tại các địa phương theo hướng bền vững.

2. Tồn tại – hạn chế.

Bên cạnh những ưu điểm đã đạt, Trung tâm vẫn còn một số tồn tại cần chấn chỉnh và khắc phục trong công tác quản lý tài chính, cụ thể:

- Thống nhất mức khoán tiền tự túc phương tiện đi công tác và tính theo khoảng cách địa giới hành chính kể cả nguồn kinh phí khuyến công Quốc gia và nguồn ngân sách địa phương; kịp thời bổ sung vào qui chế chi tiêu nội bộ để thực hiện.

- Thanh toán chế độ công tác phí: Năm 2017 - 2020 đơn vị thanh toán khoán tiền tự túc bằng phương tiện cá nhân cho viên chức đi công tác các xã, huyện trên địa bàn tỉnh chưa đúng theo điểm b Khoản 2 Điều 5 Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính với số tiền: 5.617.872 đồng

(Năm 2017: 600.000 đồng, năm 2018: 2.762.000 đồng, năm 2019: 1.084.000 đồng, năm 2020: 1.171.872 đồng).

- Khi thực hiện các dịch vụ phục vụ chuyên môn của Trung tâm phải lấy báo giá để làm căn cứ xác định giá khi thanh toán nhằm có lợi cho ngân sách theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 11 Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính.

- Thực hiện nộp vào ngân sách số tiền 5.040.629 đồng kết dư của năm 2020 theo quy định tại Thông tư số 145/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính.

II. Kiến nghị:

1. Đối với Sở Công Thương.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc sử dụng các nguồn kinh phí của đơn vị; Đồng thời hướng dẫn đơn vị hạch toán, điều chỉnh sổ sách theo quy định của Luật Kế toán.

- Chỉ đạo Trung tâm họp kiểm điểm rút kinh nghiệm trong công tác quản lý tài chính.

2. Đối với Trung tâm Khuyến công và xúc tiến thương mại .

- Tổ chức họp, nghiêm túc kiểm điểm đối với cá nhân, tập thể để xảy ra các sai sót về những tồn tại, hạn chế như đã nêu. Đồng thời, khắc phục các tồn tại và tăng cường trách nhiệm đối với công tác quản lý tài chính nhằm hạn chế các thiếu sót, tương tự xảy ra.

- Thực hiện nộp vào ngân sách số tiền 5.040.629 đồng (kinh phí thừa) theo quy định tại Thông tư số 145/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính.

- Có trách nhiệm nộp vào tài khoản tạm giữ của cơ quan Thanh tra tỉnh số 3949.0.1077400 tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Ninh Thuận khi có Quyết định của Chánh Thanh tra tỉnh với số tiền: 5.617.872 đồng (Thanh toán khoản tiền tự túc bằng phương tiện cá nhân).

- Thực hiện việc điều chỉnh các số liệu trong sổ sách, báo cáo tài chính đối với các nguồn kinh phí đã nêu theo đúng quy định của Luật Kế toán.

Nơi nhận:

- Thanh tra Chính phủ;
- UBND tỉnh;
- Sở Công thương;
- TT Khuyến công và XTTM;
- Phòng GS,KT&XLSTT;
- Lưu: VP, NV3.

CHÁNH THANH TRA



Lê Quang Cảnh